

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học Phú Thuận
Quý II năm 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	35/35	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	35	1,4
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	10.859	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2.850	3,5
VI	Tổng diện tích các phòng	1.680	
1	Diện tích phòng học (m ²)	56	1,4
2	Diện tích thư viện (m ²)	128	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	484	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	56	1,4
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	56	1,4
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	56	1,4
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	64	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	32	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	96	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	35	
1.1	Khối lớp 1	7	
1.2	Khối lớp 2	6	
1.3	Khối lớp 3	7	
1.4	Khối lớp 4	8	
1.5	Khối lớp 5	7	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	30	1
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	491	Số thiết bị/lớp





1	Ti vi	01	
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	03	
5	Thiết bị khác (Bảng viết di động)	02	
6	Thiết bị khác (Bảng nhóm nhựa)	82	
7	Thiết bị khác (Bảng phụ nhựa)	18	
8	Thiết bị khác (Bảng ni từ)	14	
9	Thiết bị khác (Thước nhôm đẹp)	12	
10	Thiết bị khác (Bảng chữ cái in hoa)	14	
11	Thiết bị khác (Bảng chữ cái in thường)	14	
12	Thiết bị khác (Bảng đồ Việt Nam)	14	
13	Thiết bị khác (Nam châm tấm)	12	
14	Thiết bị khác (Nam châm nhỏ)	140	
15	Thiết bị khác (Nam châm lớn)	140	
16	Thiết bị khác (Băng đĩa Tiếng Anh)	25	
17	Thiết bị khác (Bộ BD toán – Tiếng Việt lớp 1)	10	
18	Thiết bị khác (Bộ sa bàn giao thông lớp 1)	1	
19	Thiết bị khác (Bộ tranh cơ thể người và các giác quan)	1	
20	Thiết bị khác (Bộ tranh những việc nên và không nên làm để phòng tránh tạt cận thị học đường)	1	
21	Thiết bị khác (Bộ tranh các việc cần làm để giữ vệ sinh cá nhân)	1	
22	Thiết bị khác (Bộ tranh về phòng tránh bị xâm hại)	1	
23	Thiết bị khác (Thanh phách)	10	
24	Thiết bị khác (Song loan)	4	
25	Thiết bị khác (Trống nhỏ + dùi)	3	
26	Thiết bị khác (Tam giác vuông)	3	
27	Thiết bị khác (Trống lục lạc)	1	
28	Thiết bị khác (Bục đặt mẫu)	2	
29	Thiết bị khác (Các khối hình cơ bản)	1	
30	Thiết bị khác (Bộ tranh nghiêm trang khi chào cờ)	2	
31	Thiết bị khác (Bộ tranh yêu gia đình)	2	
32	Thiết bị khác (Bộ tranh thật thà)	2	
33	Thiết bị khác (Bộ tranh tự giác làm việc của mình)	2	
34	Thiết bị khác (Bộ tranh sinh hoạt nề nếp)	2	
35	Thiết bị khác (Bộ tranh thực hiện nội quy trường lớp)	2	
36	Thiết bị khác (Bộ tranh tự chăm sóc bản thân)	2	
37	Thiết bị khác (Bộ tranh phòng tránh tai nạn thương tích)	2	
38	Thiết bị khác (Bộ tranh về đội hình đội ngũ)	2	
39	Thiết bị khác (Bộ tranh về các tư thế vận động cơ bản)	2	
40	Thiết bị khác (Bộ tranh về bài tập thể dục)	2	
41	Thiết bị khác (Cờ nhỏ)	10	
42	Thiết bị khác (Lưới bóng đá mini)	2	
43	Thiết bị khác (Cầu môn bóng đá 5 người)	1	
44	Thiết bị khác (Dây nhảy tập thể)	2	
45	Thiết bị khác (Dây nhảy cá nhân)	10	

46	Thiết bị khác (Lưới cầu lông, cầu đá)	1	
47	Thiết bị khác (Bộ cột đa năng)	1	
48	Thiết bị khác (Đồng hồ bấm giây)	1	
49	Thiết bị khác (Thước dây 10m)	1	
50	Thiết bị khác (Đĩa VCD Thể dục 1)	2	
51	Thiết bị khác (Bóng chuyền hơi)	5	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	144
XI	Nhà ăn	192

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Quận 7, ngày 10 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Chí Thảo

